

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 334/2025/DS-PT

Ngày 17-11-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thái

Các Thẩm phán: Ông Phạm Thái Bình

Bà Nguyễn Thị Thuỷ Tiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng – Cơ sở 1 xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2025/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 513/2025/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1975 (Có mặt)

Bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1974 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: khu phố P, phường H, tỉnh Lâm Đồng (Địa chỉ cũ: khu phố P, thị trấn P, huyện H, tỉnh Bình Thuận)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm: 1963 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn F, xã H, tỉnh Lâm Đồng (Địa chỉ cũ: Thôn F, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận)

Do có kháng cáo của: bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Kim H trình bày:*

Do có quen biết làm ăn nên ngày 24/10/2019, bà Nguyễn Thị Thanh B có nhờ vợ chồng ông, bà vay giúp số tiền 330.000.000đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng) để trả nợ ngân hàng, lãi suất thỏa thuận 20%/năm, thời hạn trả 01 năm, do quen thân nên không có làm giấy vay tiền. Đến hạn trả nợ, vợ chồng ông, bà có đòi nhưng bà Nguyễn Thị Thanh B không trả mà kiện vợ chồng ông, bà ra Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cũ, theo biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2024 và theo Bản án số 149/2024/DS-ST ngày 13/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cũ (trong hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 79/2022/TLST-DS ngày 22/3/2022) thì bà Nguyễn Thị Thanh B có thừa nhận vay của vợ chồng ông, bà số tiền 330.000.000đồng để trả nợ ngân hàng. Khi cho vay ông, bà cho cá nhân bà B vay, chồng bà B đã mất vào năm 2014. Từ khi vay tiền đến nay bà B chưa trả cho vợ chồng ông, bà được khoản tiền nào. Theo đơn khởi kiện trước đây, vợ chồng ông, bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh B trả cho vợ chồng ông, bà số tiền gốc 330.000.000đồng và tiền lãi 20%/năm từ ngày 24/10/2019 đến ngày 24/4/2025 là 396.000.000đồng ($330.000.000\text{đồng} \times 20\%/năm \times 06\text{ năm}$), tổng cộng gốc và lãi là 726.000.000đồng (bảy trăm hai mươi sáu triệu đồng) và lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi trả xong nợ. Nay vợ chồng ông, bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh B trả cho vợ ông, bà số tiền gốc 330.000.000đồng, cùng tiền lãi phát sinh kể từ ngày 24/10/2019 đến khi giải quyết xong vụ án, mức lãi suất theo quy định pháp luật.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh B trình bày:*

Bà không có vay tiền của vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Kim H. Bà không có nhận số tiền 330.000.000đồng từ vợ chồng ông T, bà H, cũng như không hề có giấy vay mượn tiền nào giữa bà và họ. Từ trước đến nay bà cũng không có trả tiền gì cho nguyên đơn. Bà có chồng, nhưng chồng bà đã chết từ năm 2014. Theo biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2024 và theo Bản án số 149/2024/DS-ST ngày 13/12/2024 của tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cũ (trong hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 79/2022/TLST-DS ngày 22/3/2022), bà thừa nhận có khai, tuy nhiên đây là vụ án khác và đã được xét xử xong, không liên quan đến vụ án này. Tại trang số 5 của Bản án số 149/2024/DS-ST ngày 13/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cũ thì ông T cũng đã trình bày không có cho bà vay tiền, mà là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Nguyên đơn yêu cầu bà trả nợ thì phải cung cấp các giấy tờ như bản chính giấy vay tiền, giấy nhận tiền. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà không đồng ý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Lâm Đồng quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm b Khoản 1 Điều 92, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật

Tổ tụng Dân sự, Luật Tổ tụng Hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025.

- Điều 351, Điều 352, Điều 353, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Khoản 2 Điều 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Kim H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh B trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Kim H tổng số tiền là: 521.033.000đồng (năm trăm hai mươi một triệu không trăm ba mươi ba ngàn đồng), trong đó gồm: tiền nợ gốc là 330.000.000đồng, tiền lãi là 191.033.000đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên các quy định khác về quyền và nghĩa vụ thi hành án, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/8/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh B kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H vì giữa bà và ông T không có việc vay mượn tiền.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án:

+ Về thủ tục: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh B là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh B, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 07/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh B trong thời hạn trong thời hạn luật định. Người kháng cáo có đơn xin miễn và thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả số nợ gốc và tiền lãi. Căn cứ vào địa chỉ của bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng quan hệ tranh chấp và đúng thẩm quyền giải quyết.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2024, bản tự khai ngày 19/4/2022 và đơn khởi kiện ngày 12/12/2021 của bà Nguyễn Thị Thanh B trong hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 79/2022/TLST-DS ngày 22/3/2022 đã được xét xử sơ thẩm theo Bản án số 149/2024/DS-ST ngày 13/12/2024 của Tòa án nhân huyện H, tỉnh Bình Thuận cũ thì nội dung tranh chấp hợp đồng thể hiện: Do nợ xấu, không thể đáo hạn ngân hàng nên bà Nguyễn Thị Thanh B được người quen giới thiệu ông Nguyễn Văn T để vay của ông T số tiền 330.000.000đồng trong kỳ hạn 02 tháng, trả gốc và lãi đến tháng 10/2019 cho Ngân hàng nhằm mục đích lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 289598 do UBND huyện H cấp ngày 03/10/2014 (sau đây gọi là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và chuyển nhượng lại cho ông T để ông T đứng tên vay tiền giúp bà B, rồi ông T sẽ lấy tiền gốc và lãi của số tiền 330.000.000đồng, còn bà B sẽ có trách nhiệm trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng cho đến khi xong nợ thì ông T phải chuyển nhượng lại Giấy chứng nhận cho bà B. Ngày 24/10/2019, ông T mang tiền đi cùng bà B đến Ngân hàng B1 để trả nợ số tiền 330.000.000 đồng của bà B. Sau đó, bà B giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đến văn phòng công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho ông T.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà B thừa nhận có khai nội dung như trên nhưng không thừa nhận việc có vay tiền của nguyên đơn vì cho rằng tại Bản án số 149/2024/DS-ST ngày 13/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cũ, nguyên đơn khai “*không cho bà B vay cũng không cho bà B thế chấp sổ đỏ mà chỉ nhận chuyển nhượng*” và nguyên đơn cũng không cung cấp được bản chính giấy vay tiền, nhận tiền.

Hội đồng xét xử nhận thấy, lời khai của bà B thừa nhận về việc có vay số tiền 330.000.000đồng của ông T nhằm mục đích đáo hạn ngân hàng trong vụ án dân sự thụ lý số 79/2022/TLST-DS ngày 22/3/2022 về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là hoàn toàn phù hợp với lời khai của ông T trong quá trình giải quyết vụ án, phù hợp với nội dung vụ án mà bà B đã khởi kiện yêu cầu

tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà B và ông T vô hiệu do giả tạo nhằm che giấu đi hợp đồng vay giữa ông T và bà B.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 124 Bộ luật dân sự:

*“1. Khi các bên xác lập giao dịch dân sự một cách giả tạo nhằm che giấu một giao dịch dân sự khác thì giao dịch dân sự giả tạo vô hiệu, **còn giao dịch dân sự bị che giấu vẫn có hiệu lực**, trừ trường hợp giao dịch đó cũng vô hiệu theo quy định của Bộ luật này hoặc luật khác có liên quan.”*

Toà án đã không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T mà chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B về việc tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà B và ông T vô hiệu do giả tạo theo Bản án số 149/2024/DS-ST ngày 13/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cũ những chưa giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Nay ông T yêu cầu giải quyết việc vô hiệu của hợp đồng là hoàn trả lại số tiền đã thực hiện từ hợp đồng vay mà bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh B đã vay của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T số tiền 330.000.000đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông T là có căn cứ.

Ông T xác định số tiền trên là tài sản chung của ông và bà Lê Thị Kim H trong thời kỳ hôn nhân nên yêu cầu Toà án buộc bà B phải trả số tiền đã vay cho ông T, bà H là phù hợp.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh B kháng cáo chỉ khai nại không vay tiền nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh khoản tiền trên nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

[4] Đối với lãi suất: Căn cứ vào lời khai của bà B về việc vay ông T số tiền 330.000.000đồng, trong kỳ hạn 02 tháng nhưng không thoả thuận rõ lãi suất trong vụ án dân sự thụ lý số 79/2022/TLST-DS ngày 22/3/2022 và lời trình bày của nguyên đơn trong vụ án thể hiện các bên cho vay có kỳ hạn và có thỏa thuận trả lãi nhưng mâu thuẫn về kỳ hạn và không rõ lãi suất.

Do đó, hợp đồng vay giữa các bên là có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự để tính lãi từ ngày 24/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/8/2025) là 05 năm 09 tháng 14 ngày x 330.000.000đồng x 10%/năm = 191.033.000đồng (Một trăm chín mươi một triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng) phù hợp pháp luật.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên nghĩa vụ thi hành án từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án là chưa chính xác, ảnh hưởng quyền lợi của nguyên đơn nhưng do nguyên đơn không kháng cáo và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên. Để đảm bảo quyền lợi của bị đơn, Tòa án cấp phúc thẩm không sửa bản án đối tuyên nghĩa vụ thi hành án. Vấn đề sai sót trên Tòa án cấp sơ thẩm nên rút kinh nghiệm.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Kim H, buộc bà Nguyễn Thị Thanh B phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Kim H số tiền 330.000.000đồng tiền gốc và 191.033.000 đồng tiền lãi là có căn cứ.

Do đó, kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh B là không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Thanh B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bà B có đơn xin miễn án phí phúc thẩm nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh B. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 12 – Lâm Đồng.

Căn cứ vào:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 38, điểm b Khoản 1 Điều 92, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 280, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Kim H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh B về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh B có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Kim H tổng số tiền 521.033.000 (năm trăm hai mươi một triệu không trăm ba mươi ba nghìn) đồng. Trong đó: Tiền nợ gốc 330.000.000 (ba trăm ba mươi triệu) đồng và tiền lãi 191.033.000 (Một trăm chín mươi một triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị Thanh B được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Kim H số tiền 16.520.000 (mười sáu triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003262 ngày 07/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc cũ.

- Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh B được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (17/11/2025).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND, VKS khu vực 12 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 12 – Lâm Đồng;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Thái